

Bản án số: 10/2024/LĐ-ST

Ngày: 14 - 3 - 2024

V/v “Tranh chấp yêu cầu
tuyên bố hợp đồng lao động
vô hiệu”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Đôi - Cán bộ hưu trí thị trấn Hậu Nghĩa
- Bà Nguyễn Thị Rạt – Nguyên Phó Phòng Lao động Thương binh xã hội huyện Đức Hòa.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Quân -Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Khang - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 151/2023/TLST - LĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST - LĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp H, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Hoài P, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An. (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 24/11/2023),
(có yêu cầu xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Công ty TNHH S1.

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông LÊ JONG M – Giám đốc. (có yêu cầu xin vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Võ Thị Mộng L, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp H, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An. (có yêu cầu xin vắng mặt)

2/ Bảo hiểm xã hội (BHXH) tỉnh Long An.

Trụ sở: số 08 T tránh, phường D, Thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần S - Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Thành L1 - Phó Giám đốc. (có yêu cầu xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 11 năm 2023 và trong quá trình giải quyết người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Hoài P đại trình bày:

Từ tháng 01/2009 đến tháng 9/2023, bà Nguyễn Thị H đi làm tại Công ty TNHH P1 và tham gia bảo hiểm với số bảo hiểm: 0206205423.

Do bản thân không am hiểu về pháp luật và muốn giúp đỡ bà Võ Thị Mộng L chưa đủ tuổi lao động có thể đi làm tạo thu nhập lo cho gia đình, nên bà Nguyễn Thị H cho bà Võ Thị Mộng L mượn Chứng minh nhân dân để bà Võ Thị Mộng L đi làm tại Công ty TNHH S1 trong khoảng thời gian tháng 01/2009 đến tháng 02/2011. Khi bà Võ Thị Mộng L mang tên bà là Nguyễn Thị H làm việc tại Công ty TNHH S1 thì bà Võ Thị Mộng L cũng tham gia bảo hiểm với số sổ bảo hiểm mang tên bà Nguyễn Thị H là: 8008042248 (sổ chưa được hưởng chế độ).

Việc bà Nguyễn Thị H cho bà Võ Thị Mộng L mượn Chứng minh nhân dân để bà Võ Thị Mộng L ký và thực hiện hợp đồng lao động với Công ty TNHH S1 với tên Nguyễn Thị H là không đúng quy định pháp luật. Hiện nay tồn tại hai sổ sổ bảo hiểm là 0206205423 và 8008042248 cùng mang tên Nguyễn Thị H nên bà H không thể thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm được.

Do đó bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Vô hiệu hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Nguyễn Thị H (do bà Võ Thị Mộng L làm việc) với Công ty TNHH S1 trong khoảng thời gian từ tháng 10/2008 đến tháng 02/2011 để bà H đủ điều kiện hưởng tiền bảo hiểm.

Bị đơn Công ty TNHH S1 do ông LEE JONG MO đại diện có văn bản trình bày ý kiến ngày 27/01/2024 như sau: Công ty đồng ý vô hiệu hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Nguyễn Thị H với Công ty TNHH S1 được giao kết từ ngày 01/10/2008 đến ngày 05/3/2011. Công ty TNHH S1 không có yêu cầu Cơ quan bảo hiểm xã hội hoàn trả lại tiền bảo hiểm mà Công ty đã đóng cho bà Nguyễn Thị H. Ông LEE JONG MO có đơn đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Mộng L trình bày: Vào năm 2008, do bà còn nhỏ tuổi nên có mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị H để vào làm việc tại Công ty TNHH S1 từ tháng 10/2008 đến

tháng 02/2011 và tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ 8008042248 (sổ này chưa được hưởng chế độ). Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc vô hiệu hợp đồng lao động được kí kết giữa bà Nguyễn Thị H (do bà Võ Thị Mộng L làm việc) với Công ty TNHH S1 trong khoảng thời gian từ tháng 10/2008 đến tháng 02/2011 do không đúng nhân ien. Bà L không yêu cầu Tòa án xử lý hậu quả khi hợp đồng lao động bị vô hiệu.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L có văn bản trình bày: Căn cứ vào hồ sơ, dữ liệu quản lý thu, sổ, thẻ và chính sách BHXH, bảo hiểm y tế, BHTN, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định Công ty TNHH S1 có tham gia bảo hiểm cho bà Nguyễn Thị H từ tháng 10/2008 đến tháng 02/2011 với số sổ bảo hiểm 8008042248; qua tra cứu, đến ngày 16/01/2024, bà Nguyễn Thị H đã hưởng trợ cấp BHXH một lần. BHXH tỉnh L đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng trong việc thu thập chứng cứ, xác minh. Toà án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về việc vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị H (do Võ Thị Mộng L thực hiện) với Công ty TNHH S1 từ tháng 10/2008 đến tháng 02/2011 do hợp đồng được ký kết không đúng với nhân thân, vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại Điều 15 Bộ luật lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động.

Các đương sự không yêu cầu xử lý hậu quả khi hợp đồng lao động vô hiệu, do đó đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự. Công ty TNHH S1 có trụ sở tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Bà Nguyễn Thị H là người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, Công ty TNHH S1 là người bị kiện được xác định tư cách là bị đơn. Bà Võ Thị Mộng L và BHXH tỉnh L được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Thời hiệu khởi kiện: Các bên đương sự không yêu cầu áp dụng về thời hiệu nên căn cứ quy định tại Điều 190 Bộ luật lao động năm 2019, Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không áp dụng thời hiệu.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Hoài P, người đại diện của Công ty TNHH S1, bà Võ Thị Mộng L, đại diện BHXH tỉnh L có đề nghị được vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp theo quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hợp đồng lao động: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị H do bà Võ Thị Mộng L trực tiếp tham gia lao động với Công ty TNHH S1 là vô hiệu. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H và bà L thống nhất trình bày: Bà Nguyễn Thị H có cho bà Võ Thị Mộng L mượn chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị H để xác lập hợp đồng lao động và tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 10/2008 đến tháng 02/2011 tại Công ty TNHH S1 theo sổ BHXH số 8008042248. Đồng thời, từ 01/2008 đến tháng 09/2023 bà Nguyễn Thị H cũng tham gia lao động tại công ty khác và tham gia đóng bảo hiểm xã hội theo sổ sổ là 0206205423.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào sổ bảo hiểm xã hội số 0206205423, thể hiện bà Nguyễn Thị H đi làm tại Công ty TNHH P1 và tham gia bảo hiểm từ tháng 01/2009 đến tháng 9/2023 và sổ BHXH số 8008042248 cũng thể hiện bà Nguyễn Thị H đi làm tại Công ty TNHH S1 và tham gia bảo hiểm từ tháng 10/2008 đến tháng 02/2011.

Như vậy, có căn cứ xác định trong khoảng thời gian tháng 01/2009 đến tháng 02/2011 bà Nguyễn Thị H cùng lúc tham gia bảo hiểm xã hội tại 02 doanh nghiệp là Công ty TNHH P1 và Công ty TNHH S1. Do đó, việc bà Võ Thị Mộng L ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH S1 nhưng với tên bà Nguyễn Thị H là vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật lao động năm 1994 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006, 2007) nên có cơ sở xác định hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị H và Công ty TNHH S1 là không có hiệu lực. Do đó, nay bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị H và Công ty TNHH S1 trong khoảng thời gian tháng 10/2008 đến tháng 02/2011 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động. người lao động trực tiếp tham gia lao động là bà Võ Thị Mộng L trong khi thông tin ký hợp đồng lao động mang tên bà Nguyễn Thị H vô hiệu là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Bà Nguyễn Thị H, Công ty TNHH S1, bà Võ Thị Mộng L không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động bị vô hiệu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị H tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm thay cho Công ty TNHH S1 nên Công ty TNHH S1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 68 Điều 91, Điều 93, Điều 97, Điều 147, Điều 195, Điều 196, Điều 227, 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật lao động năm 1994 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006, 2007)

Căn cứ Điều 190 Bộ luật lao động năm 2015

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị H với Công ty TNHH S1 từ tháng 10/2008 đến 02/2011 là vô hiệu.

Về hậu quả hợp đồng lao động: Bà Nguyễn Thị H, Công ty TNHH S1, bà Võ Thị Mộng L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước.

3. Án xét xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ để xin xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thùy Trang

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Kim T – Nguyễn Thị Rạt Nguyễn Thị Mộng T1

